

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (04) 3 974 5081/82

Fax: (04) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2016	10 - 30

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

Báo cáo của ban Giám đốc

đính kèm Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai:

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai (dưới đây viết tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Gạch ngói Gia Lai, thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5900482154, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 09 năm 2008, thay đổi lần 9 ngày 30 tháng 03 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Theo đó:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai.

Vốn Điều lệ: 170.624.500.000 đồng

(Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ sáu trăm hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính tại: Thôn 9, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của công ty:

- Sản xuất gạch, ngói bằng lò Tuynen.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Buôn bán vật liệu xây dựng.
- Vận tải hàng.
- Khảo sát, thăm dò khoáng sản và đo vẽ bản đồ.
- Mua bán vật tư thiết bị ngành khai thác mỏ.
- Buôn bán hóa chất khác trừ các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp.
- Bán buôn kim loại.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị:

- | | |
|-----------------------|------------------------------------|
| 1 Bà Phạm Thị Hinh | Chủ tịch HĐQT |
| 2 Ông Trần Mạnh Hùng | Ủy viên |
| 3 Ông Trần Kiên Cường | Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 28/12/2015) |
| 4 Ông Lâm Hoàng Giang | Ủy viên |
| 5 Ông Phạm Quốc Tuệ | Ủy viên |

Ban kiểm soát:

- | | |
|------------------------|------------|
| 1 Bà Phùng Thị Kim Anh | Trưởng ban |
| 2 Bà Vũ Thị Chung | Thành viên |
| 3 Bà Hồ Thị Hồng Diệu | Thành viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|--------------------------|---|
| 1 Ông Trần Anh Tuấn | Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/04/2016) |
| Ông Phạm Quốc Hoàn | Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/04/2016) |
| 2 Ông Châu Kinh Quốc | Phó Giám đốc |
| 3 Ông Nguyễn Đình Trường | Kế toán trưởng (Bổ nhiệm ngày 12/10/2016) |
| 4 Ông Võ Sỹ Việt | Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 12/10/2016) |

2. Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI).

3. Tại Báo cáo này Ban Giám đốc xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.
- Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong Thuyết minh Báo cáo tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Kể từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày lập Báo cáo tài chính, tại Văn phòng Công ty đã bị áp dụng cưỡng chế bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn sử dụng theo Quyết định số 3407-03/QĐ-CT ngày 05/09/2016 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai về việc cưỡng chế hóa đơn bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn sử dụng đối với Công ty Cổ phần khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai với thời hạn 1 năm kể từ ngày 12 tháng 09 năm 2016 đến ngày 12 tháng 09 năm 2017. Sự kiện này có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của Công ty.
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Đại diện

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai



Giám đốc

Trần Anh Tuấn

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

AICA

Số: 178/2017/BCKT/BCTC - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai được lập ngày 10/03/2017, từ trang 07 đến trang 30 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Do việc bổ nhiệm kiểm toán viên diễn ra sau thời điểm 31/12/2016 nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm 31/12/2016. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục trên trong Báo cáo tài chính của Công ty.

Như đã trình bày tại Thuyết minh V.9, khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Khai thác và chế biến Tân Niên Thành số tiền: 21.000.000.000 đồng, đến thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán, Công ty vẫn chưa cung cấp cho đoàn kiểm toán Báo cáo tài chính hay Báo cáo kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Tân Niên Thành nên kiểm toán viên không có căn cứ để xem liệu có phải trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ" báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

*** Vấn đề khác**

Theo Quyết định số 3407-03/QĐ-CT ngày 05/09/2016 của Cục thuế Tỉnh Gia Lai về việc cưỡng chế hóa đơn bằng biện pháp thông báo hóa đơn không còn sử dụng đối với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai với thời hạn 1 năm kể từ ngày 12 tháng 09 năm 2016 đến ngày 12 tháng 09 năm 2017. Sự kiện này có ảnh hưởng đáng kể tới hoạt động của Công ty và việc ghi nhận doanh thu và chi phí trong năm 2017.

Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam và Báo cáo kiểm toán được phát hành dưới dạng ý kiến ngoại trừ.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



Lê Văn Dò

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 0231-2013-016-1

Nguyễn Thị Hải

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Số: 3398-2016-016-1

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		165.672.051.496	74.302.264.285
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.578.742.740	1.073.099.909
1. Tiền	111	V.01	1.578.742.740	1.073.099.909
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		136.957.443.167	55.448.348.992
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	27.737.513.165	32.938.941.359
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	90.476.074.797	6.082.903.826
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	18.743.855.205	16.426.503.807
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	23.158.616.122	15.057.821.623
1. Hàng tồn kho	141		23.158.616.122	15.057.821.623
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.977.249.467	2.722.993.761
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	6.259.343	6.259.343
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.06	3.135.299.403	1.881.043.697
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.06	835.690.721	835.690.721
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		97.785.026.959	73.758.943.633
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.244.073.580	41.191.755.100
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	49.244.073.580	41.191.755.100
- Nguyên giá	222		58.241.140.841	49.309.140.841
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.997.067.261)	(8.117.385.741)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		332.346.307	332.346.307
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	332.346.307	332.346.307
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		45.700.000.000	31.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.9	21.000.000.000	31.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.10	24.700.000.000	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.508.607.072	1.234.842.226
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	2.508.607.072	1.234.842.226
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		263.457.078.455	148.061.207.918

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của BCTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		90.438.582.581	60.286.624.772
I. Nợ ngắn hạn	310		90.438.582.581	60.286.624.772
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	69.428.274.621	25.623.845.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.452.352.233	2.195.645.583
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.536.904.102	134.424.559
4. Phải trả người lao động	314	V.15	371.997.568	413.710.813
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	222.727.272	222.727.272
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	198.450.307	51.344.382
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	16.227.876.478	31.644.926.478
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		173.018.495.874	87.774.583.146
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	173.018.495.874	87.774.583.146
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		170.624.500.000	85.624.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		170.624.500.000	85.624.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.393.995.874	2.150.083.146
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.019.559.073	1.390.977.708
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		374.436.801	759.105.438
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		263.457.078.455	148.061.207.918

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

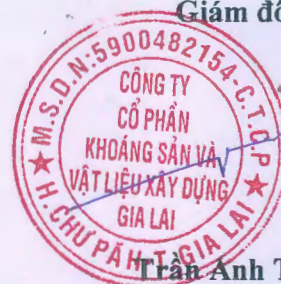
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Ánh

Nguyễn Đình Trường



Trần Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	64.481.782.678	29.387.381.540
2. Các khoản giảm trừ	3	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.03	64.481.782.678	29.387.381.540
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	61.906.687.195	28.664.807.078
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		2.575.095.483	722.574.462
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	1.642.446.980	1.500.494.346
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	2.397.453.306	382.938.947
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.397.453.306	382.938.947
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	273.050.131	110.800.186
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	1.071.879.710	967.724.237
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		475.159.316	761.605.438
11. Thu nhập khác	31	VI.09	1.805.476	-
12. Chi phí khác	32	VI.10	7.535.033	2.500.000
13. Lợi nhuận khác	40		(5.729.557)	(2.500.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		469.429.759	759.105.438
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	94.992.958	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		374.436.801	759.105.438
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.12	24	89
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu				

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phan Thị Ánh

Nguyễn Đình Trường



Trần Anh Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		76.388.095.790	2.557.629.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(125.353.503.393)	(27.723.561.699)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.153.233.367)	(1.629.387.024)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.397.453.306)	(382.938.947)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(130.236.043)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.076.235.976	2.196.166.640
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.684.626.473)	(1.616.198.989)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(55.254.720.816)	(26.598.291.019)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(23.000.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(24.700.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.000.000.000	24.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		877.413.647	494.346
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.822.586.353)	1.000.494.346
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		85.000.000.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		16.333.950.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.751.000.000)	(21.027.138.523)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	46.752.938.519
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		69.582.950.000	25.725.799.996
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		505.642.831	128.003.323
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.073.099.909	945.096.586
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.578.742.740	1.073.099.909

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

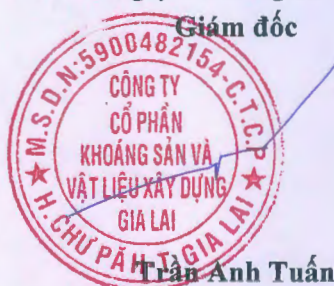
Kế toán trưởng

Giám đốc

Phan Thị Ánh

Nguyễn Đình Trường

Nguyễn Đình Trường



Trần Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2016****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai (dưới đây viết tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Gạch ngói Gia Lai, thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5900482154, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 09 năm 2008, thay đổi lần 9 ngày 30 tháng 03 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Theo đó:

Tên công ty: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Vật liệu Xây dựng Gia Lai

Vốn Điều lệ của Công ty: 170.624.500.000 đồng

(Bằng chữ: (Một trăm bảy mươi tỷ sáu trăm hai mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng))

Trụ sở chính: Thôn 9, xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất gạch ngói và thương mại.**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất gạch, ngói bằng lò Tuynen.
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Buôn bán vật liệu xây dựng.
- Vận tải hàng.
- Khảo sát, thăm dò khoáng sản và đo vẽ bản đồ.
- Mua bán vật tư thiết bị ngành khai thác mỏ.
- Buôn bán hóa chất khác trừ các hóa chất sử dụng trong nông nghiệp.
- Bán buôn kim loại.

4. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.**II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Hình thức kế toán áp dụng: Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.**3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:**

Ban lãnh đạo Công ty tuyên bố Báo cáo tài chính năm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tuy nhiên, các công ty con, công ty liên kết của công ty đều không bị lỗ hay đang trong giai đoạn đầu tư nên công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư:

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BĐS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi :

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009).

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Phần mềm quản lý	3 - 8 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước của công ty gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong kỳ, các khoản hao hụt định mức, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính : Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan : Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền		
Tiền mặt	1.572.643.293	530.863.867
Tiền gửi ngân hàng	6.099.447	542.236.042
Tiền gửi ngân hàng VND	6.099.447	542.236.042
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Gia Lai	2.002.240	196.764
Ngân hàng Đầu tư PTVN - CN Quang Trung Hà Nội	1.247.340	2.236.444
Ngân hàng Đầu tư PTVN - CN Nam Gia Lai - 621	1.138.772	35.358.359
Ngân hàng Đầu tư PTVN - CN Nam Gia Lai - 620	684.047	504.444.475
Ngân hàng Đầu tư PTVN - CN Trảng An	1.027.048	-
Cộng	1.578.742.740	1.073.099.909
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	-	13.535.098.500
Công ty CP Khoáng Sản Luyện Kim Màu	15.621.054.350	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển doanh nghiệp Việt Nam	-	16.376.917.194
Công ty Tân Thịnh Phát	-	967.971.400
Công ty CP Thương mại Vật liệu Xây dựng Hamico	9.054.606.000	-
Công ty TNHH MTV Trung nguyên Chương	329.063.205	-
Công ty TNHH Xây dựng Thương Mại Phương Đông	132.900	404.668.000
VLXD Anh Đức	349.860.000	-
Châu Kinh Quốc	510.214.436	42.439.456
Võ Sỹ Việt	138.237.470	138.237.470
Đối tượng khác	1.734.344.804	1.473.609.339
Cộng	27.737.513.165	32.938.941.359
3. Trả trước cho người bán:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Đầu tư XD Ngôi nhà đầu tiên	25.000.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Phú Hòa	55.694.800.000	500.000.000
Công ty CP TM vận tải Minh Hưng	900.000.000	900.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Yên Bái	1.923.206.457	1.923.206.457
Xí Nghiệp tập thể 559	717.726.176	717.726.176
Công ty CP Chứng khoán VSM	875.000.000	495.000.000
Công ty TNHH MTV Hoàng Quang	600.000.000	-
Công ty CP Đầu tư XD và TM Dịch vụ Hùng Vương	679.999.994	-
Đối tượng khác	4.085.342.170	1.546.971.193
Cộng	90.476.074.797	6.082.903.826

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Phải thu ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tạm ứng</i>	16.228.791.707	14.796.346.307
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	2.515.063.498	1.630.157.500
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Tân Niên Thành	1.500.000.000	1.500.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến khoáng sản Yên Bái	40.000.000	40.000.000
Ông Võ Sỹ Việt	413.333.333	-
Ông Châu Kinh Quốc	5.000.000	-
Bà Hồ Thị Hồng Diệu	341.700.000	-
Bà Lê Thị Thủy Tiên	5.000.000	-
Phạm Thị Hinh (thuế TNCN)	119.872.665	-
Phải thu ngắn hạn khác	90.157.500	90.157.500
Cộng	18.743.855.205	16.426.503.807

5. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.917.805.666	-	5.475.669.639	-
Công cụ, dụng cụ	474.158.988	-	447.091.323	-
Chi phí SX, KD dở dang	3.734.177.835	-	3.844.913.492	-
Thành phẩm	2.711.535.893	-	3.596.177.169	-
Hàng hóa	10.320.937.740	-	1.693.970.000	-
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	23.158.616.122	-	15.057.821.623	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

6. Tài sản khác	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	3.970.990.124	2.716.734.418
Thuế GTGT được khấu trừ	3.135.299.403	1.881.043.697
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	835.690.721	835.690.721
<i>Tài sản dài hạn khác</i>	-	-
Cộng	3.970.990.124	2.716.734.418

7. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>

8. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí XDCB dở dang	332.346.307	332.346.307
Cộng	332.346.307	332.346.307

9. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến khoáng sản Tân Niên Thành.	2.100.000	21.000.000.000	3.100.000	31.000.000.000
Cộng		21.000.000.000		31.000.000.000

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa cung cấp cho đoàn kiểm toán Báo cáo tài chính hay Báo cáo kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Tân Niên Thành nên kiểm toán viên không có căn cứ để xem liệu có phải trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư hay không.

10. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Võ Sỹ Việt (1)	8.000.000.000	-
Ông Châu Kinh Quốc (2)	5.000.000.000	-
Bà Hồ Thị Hồng Diệu (3)	6.700.000.000	-
Bà Lê Thị Thủy Tiên (4)	5.000.000.000	-
Cộng	24.700.000.000	-

(1) Theo Hợp đồng vay vốn số 10/03/2016 ngày 10/03/2016, số tiền cho vay là 8 tỷ từ nguồn vốn của bên cho vay, thời hạn vay từ 10/03/2016 đến hết 09/07/2019, lãi suất 12%/năm (thời gian tính lãi từ 01/04/2016)

(2) Theo Hợp đồng vay vốn số 07/07/2016 ngày 07/07/2016, số tiền cho vay là 5 tỷ từ nguồn vốn của bên cho vay, thời hạn vay từ 07/07/2016 đến hết 06/07/2019, lãi suất 12%/năm (thời gian tính lãi từ 01/08/2016)

(3) Theo Hợp đồng vay vốn số 10/07/2016 ngày 10/07/2016, số tiền cho vay là 6,7 tỷ từ nguồn vốn của bên cho vay, thời hạn vay từ 10/07/2016 đến hết 09/07/2019, lãi suất 12%/năm (thời gian tính lãi từ 01/08/2016)

(4) Theo Hợp đồng vay vốn số 01/08/2016 ngày 01/08/2016, số tiền cho vay là 5 tỷ từ nguồn vốn của bên cho vay, thời hạn vay từ 10/07/2016 đến hết 09/07/2019, lãi suất 12%/năm.

11. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	6.259.343	6.259.343
Dài hạn	2.508.607.072	1.234.842.226
Cộng	2.514.866.415	1.241.101.569

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico	53.468.681.851	13.461.800.000
Công ty CP Hữu Thịnh	11.932.379.967	7.932.000.000
Công ty TNHH Thái Việt Hoàng	1.296.000.000	1.296.000.000
Ông Nguyễn Đức Trung	468.870.000	588.870.000
Phải trả người bán khác	2.262.342.803	2.345.175.685
Cộng	69.428.274.621	25.623.845.685

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

cho năm tài chính

Điện thoại: 0593 893737

kết thúc ngày 31/12/2016

13. Người mua trả tiền ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Phương Đông	-	404.535.100
Công ty CP Sản xuất và cung ứng VLXD Kon Tum	316.800.000	316.800.000
Công ty CP Đầu Tư & XD Quang Khải	230.846.505	266.269.905
Ông Phạm Đình nguyên	550.000.000	-
Đối tượng khác	1.354.705.728	1.208.040.578
Cộng	2.452.352.233	2.195.645.583

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT phải nộp	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	134.424.559	94.992.958	130.236.043	99.181.474
Thuế thu nhập cá nhân	-	119.872.665	-	119.872.665
Các loại thuế khác	-	1.320.849.963	3.000.000	1.317.849.963
Cộng	134.424.559	1.535.715.586	133.236.043	1.536.904.102

15. Phải trả người lao động

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người lao động	371.997.568	413.710.813
Cộng	371.997.568	413.710.813

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí kiểm toán	222.727.272	222.727.272	222.727.272	222.727.272
Cộng	222.727.272	222.727.272	222.727.272	222.727.272

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	164.651.373	43.407.933
Bảo hiểm y tế	23.401.573	5.494.468
Bảo hiểm thất nghiệp	10.397.361	2.441.981
Cộng	198.450.307	51.344.382

18. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay tổ chức	720.000.000	720.000.000
Công ty CP Khai thác và Chế biến KS Yên Bái (1)	279.000.000	279.000.000
Công ty TNHH Create Capital Việt Nam	441.000.000	441.000.000
Vay cá nhân	15.507.876.478	30.924.926.478
Bà Phạm Thị Hình (2)	15.507.876.478	30.924.926.478

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Cộng

16.227.876.478

31.644.926.478

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 02>

(1) Vay Công ty CP Khai thác và Chế biến KS Yên Bái theo hợp đồng số 02/2014/HĐVV ngày 08/10/2014, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%, phụ lục hợp đồng số 01/2015/HDGH ngày 08/10/2015 gia hạn vay thêm 12 tháng.

(2) Vay Bà Phạm Thị Hình theo hợp đồng vay số 04/2015/HĐVV ngày 26/10/2015, hạn mức tín dụng là 6 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%, hợp đồng vay số 05/2015/HĐVV ngày 20/12/2015, hạn mức tín dụng là 16,45 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 0%. Hợp đồng vay vốn số 02/01/2016/HĐVV ngày 12/01/2016, hạn mức vay 30 tỷ, giải ngân từng lần kể từ ngày 02/01/2016 đến ngày 02/01/2019, lãi suất 8%/năm, mục đích phục vụ sản xuất kinh doanh.

19. Vốn góp chủ sở hữu

19.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 03>

19.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	49,82%	85.000.000.000	-
Vốn góp của các đối tượng khác	50,18%	85.624.500.000	85.624.500.000
Cộng	100%	170.624.500.000	85.624.500.000

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	85.624.500.000	85.624.500.000
Vốn góp tăng trong kỳ	85.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	170.624.500.000	85.624.500.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

19.4 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	17.062.450	8.562.450
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	17.062.450	8.562.450
Cổ phiếu phổ thông	17.062.450	8.562.450
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	17.062.450	8.562.450
Cổ phiếu phổ thông	17.062.450	8.562.450
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

cho năm tài chính

Điện thoại: 0593 893737

kết thúc ngày 31/12/2016

01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán sắt thép

Doanh thu bán gạch

Cộng**Năm nay****Năm trước**

60.584.569.660

27.192.741.540

3.897.213.018

2.194.640.000

64.481.782.678**29.387.381.540****02. Các khoản giảm trừ doanh thu****Năm nay****Năm trước****03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ****Năm nay****Năm trước**

Doanh thu thuần bán sắt thép

Doanh thu thuần bán gạch

Cộng

60.584.569.660

27.192.741.540

3.897.213.018

2.194.640.000

64.481.782.678**29.387.381.540****04. Giá vốn hàng bán****Năm nay****Năm trước**

Giá vốn bán sắt thép

Giá vốn bán gạch

Cộng

59.254.433.455

27.126.106.540

2.652.253.740

1.538.700.538

61.906.687.195**28.664.807.078****05. Doanh thu hoạt động tài chính****Năm nay****Năm trước**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay

Cổ tức, lợi nhuận được chia

Cộng

1.642.446.980

494.346

0

1.500.000.000

1.642.446.980**1.500.494.346****06. Chi phí tài chính****Năm nay****Năm trước**

Chi phí lãi vay

Cộng

2.397.453.306

382.938.947

2.397.453.306**382.938.947****07. Chi phí bán hàng****Năm nay****Năm trước**

Chi phí nhân viên

Cộng

273.050.131

110.800.186

273.050.131**110.800.186****08. Chi phí quản lý doanh nghiệp****Năm nay****Năm trước**

Chi phí cho nhân viên

Chi phí đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế phí và lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Cộng

841.854.576

759.334.129

38.550.084

38.550.084

-

-

3.000.000

3.000.000

175.965.850

105.846.977

12.509.200

60.993.047

1.071.879.710**967.724.237**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI**Thuyết minh báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

cho năm tài chính

Điện thoại: 0593 893737

kết thúc ngày 31/12/2016

09. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	1.805.476	-
Cộng	1.805.476	-
10. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, truy thu	5.535.033	-
Chi phí khác	2.000.000	2.500.000
Cộng	7.535.033	2.500.000
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế:	469.429.759	759.105.438
Các khoản điều chỉnh tăng:	5.535.033	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	1.500.000.000
- Cổ tức nhận được từ Công ty liên kết liên doanh	-	1.500.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế:	474.964.792	(740.894.562)
Thuế suất thuế TNDN:	20%	22%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	94.992.958	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.	-	-
Thuế TNDN phải nộp	94.992.958	-
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	374.436.801	759.105.438
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	15.598.561	8.562.450
Lãi trên cổ phiếu	24	89
13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.071.401.553	1.323.219.520
Chi phí nhân công	1.966.598.195	1.721.050.972
Chi phí khấu hao TSCĐ	879.681.521	1.235.318.406
Chi phí dịch vụ mua ngoài	893.697.348	626.063.365
Chi phí khác	274.270.852	12.627.588
Cộng	5.085.649.469	4.918.279.851

VIII. Những thông tin khác:**1. Công cụ tài chính:**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

1.1. Quản lý rủi ro:

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:

Tài sản tài chính:

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.578.742.740	1.073.099.909
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	46.481.368.370	49.365.445.166
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	45.700.000.000	31.000.000.000
Tài sản tài chính khác	-	-

Công nợ tài chính

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16.227.876.478	31.644.926.478
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	69.626.724.928	25.675.190.067
Công nợ tài chính khác	-	-

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16.227.876.478	-
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	69.626.724.928	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
Công nợ khác	222.727.272	-

2. Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan

Mối quan hệ

Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình

(1) Bà Phạm Thị Hinh CT HĐQT C.ty CP Khoáng sản Hòa Bình và C.ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai

Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico

(2) Bà Phạm Thị Hinh TGD C.ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico và là CT HĐQT C.ty CP Khoáng sản và VLXD Gia Lai

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

2.1 Giao dịch phát sinh

	Quan hệ với C.ty	Năm nay
* <u>Bán hàng</u>		-
* <u>Mua hàng</u>		38.200.787.851
Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico	(2)	38.200.787.851
* <u>Tạm ứng</u>		
Ông Châu Kinh Quốc - Phó Giám đốc Công ty	Tạm ứng	888.771.400
Ông Châu Kinh Quốc - Phó Giám đốc Công ty	Thanh toán tạm ứng	1.290.657.000
* <u>Đầu tư ngắn hạn khác</u>		
Ông Châu Kinh Quốc - Phó Giám đốc Công ty	Vay Công ty	5.000.000.000
Bà Hồ Thị Hồng Diệu - Thành viên ban kiểm soát	Vay Công ty	6.700.000.000
* <u>Các giao dịch vay</u>		
Bà Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT	Công ty vay	16.133.950.000
Bà Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT	Công ty trả tiền vay	30.051.000.000

2.2 Công nợ với bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
* Các khoản phải thu		14.967.000.000	23.502.098.500
<i>Phải thu khách hàng (TK 131)</i>		-	13.535.098.500
Công ty CP Khoáng sản Hòa Bình	(1)	-	13.535.098.500
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (TK 138)</i>		5.000.000.000	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Thuyết minh báo cáo tài chính

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

cho năm tài chính

Điện thoại: 0593 893737

kết thúc ngày 31/12/2016

Ông Châu Kinh Quốc - Phó Giám đốc Công ty	Phó Giám đốc	5.000.000.000	-
Phải thu tạm ứng (TK 141)		9.967.000.000	9.967.000.000
Bà Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT	CT HĐQT	9.967.000.000	9.967.000.000
* Các khoản phải trả		53.468.681.851	13.461.800.000
Phải trả người bán (TK 331)		53.468.681.851	13.461.800.000
Công ty CP Khoáng sản Bình Thuận Hamico	(2)	53.468.681.851	13.461.800.000
* Vay ngắn hạn			
Bà Phạm Thị Hinh - Chủ tịch HĐQT	CT HĐQT	15.507.876.478	30.924.926.478

2.3 Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập	Ghi chú
Ông Trần Anh Tuấn	Giám đốc	106.000.000	
Ông Châu Kinh Quốc	Phó Giám đốc	187.104.694	
Tổng cộng		293.104.694	

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (phân loại hoạt động trong nước và nước ngoài)
Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh
Các hoạt động kinh doanh của Công ty là buôn bán vật liệu xây dựng (sắt thép), sản xuất gạch ngói.
Thông tin về kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: đồng		
	Doanh thu bán sắt thép	Doanh thu bán gạch	Tổng cộng
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	60.584.569.660	3.897.213.018	64.481.782.678
Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
Chi phí bộ phận	59.254.433.455	2.652.253.740	61.906.687.195
Kết quả hoạt động kinh doanh theo bộ phận	1.330.136.205	1.244.959.278	2.575.095.483
Các khoản chi phí không phân bổ theo bộ phận			(1.344.929.841)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.230.165.642
Doanh thu hoạt động tài chính			1.642.446.980
Chi phí tài chính			(2.397.453.306)
Thu nhập khác			1.805.476
Chi phí khác			(7.535.033)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(94.992.958)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			374.436.801

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong các kỳ hoạt động tiếp theo.

5. Những thông tin khác

5.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	DVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	62,88	50,18
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	37,12	49,82
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	34,33	40,72
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	65,67	59,28
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	2,91	2,46
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,83	1,23
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,02	0,02
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	0,73	2,58
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	0,58	2,58
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,18	0,51
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,14	0,51

5.2 Thông tin khác

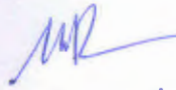
Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu

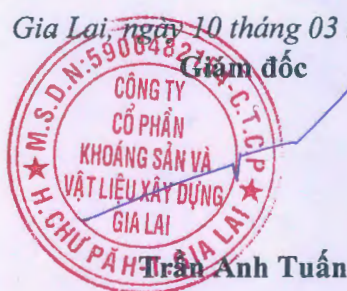
Kế toán trưởng

Gia Lai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Giám đốc


Phan Thị Anh


Nguyễn Đình Trường



Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	19.148.325.231	28.687.545.455	1.473.270.155	-	49.309.140.841
- Mua trong năm	8.932.000.000	-	-	-	8.932.000.000
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tăng khác	412.090.909	398.451.974	-	-	810.542.883
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	810.542.883	-	810.542.883
Số dư cuối năm	28.492.416.140	29.085.997.429	662.727.272	-	58.241.140.841
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.115.107.852	391.441.557	610.836.332	-	8.117.385.741
- Khấu hao trong năm	586.579.248	210.261.364	82.840.909	-	879.681.521
- Tăng khác	-	790.459.952	-	-	790.459.952
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	393.023.242	-	397.436.711	-	790.459.953
Số dư cuối năm	7.308.663.858	1.392.162.873	296.240.530	-	8.997.067.261
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	12.033.217.379	28.296.103.898	862.433.823	-	41.191.755.100
- Tại ngày cuối năm	21.183.752.282	27.693.834.556	366.486.742	-	49.244.073.580

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Tổng cộng	16.227.876.478	16.227.876.478	16.333.950.000	31.751.000.000	31.644.926.478	31.203.926.478
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16.227.876.478	16.227.876.478	16.333.950.000	31.751.000.000	31.644.926.478	31.203.926.478
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng, tổ chức</i>	<i>720.000.000</i>	<i>720.000.000</i>	-	-	<i>720.000.000</i>	<i>279.000.000</i>
Công ty CP Khai thác và Chế biến KS Yên Bái	279.000.000	279.000.000	-	-	279.000.000	279.000.000
Công ty TNHH Create Capital Việt Nam	441.000.000	441.000.000	-	-	441.000.000	441.000.000
	-	-				-
<i>Vay ngắn hạn cá nhân</i>	<i>15.507.876.478</i>	<i>15.507.876.478</i>	<i>16.333.950.000</i>	<i>31.751.000.000</i>	<i>30.924.926.478</i>	<i>30.924.926.478</i>
Bà Phạm Thị Hình	15.507.876.478	15.507.876.478	16.133.950.000	31.551.000.000	30.924.926.478	30.924.926.478
Ông Trần Anh Tú	-	-	200.000.000	200.000.000	-	-

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG GIA LAI

Địa chỉ: Thôn 9, Xã Nghĩa Hưng, Huyện Chư Păh, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: 0593 893737

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2016

Phụ lục 03: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	85.624.500.000	-	-	1.390.977.708	87.015.477.708
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	759.105.438	759.105.438
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Phân phối trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối năm trước	85.624.500.000	-	-	2.150.083.146	87.774.583.146
3. Số dư đầu năm nay	85.624.500.000	-	-	2.150.083.146	87.774.583.146
- Tăng vốn trong kỳ này	85.000.000.000	-	-	-	85.000.000.000
- Lãi trong kỳ	-	-	-	374.436.801	374.436.801
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-
+ Trả cổ tức	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	130.524.073	130.524.073
4. Số dư cuối năm	170.624.500.000	-	-	2.393.995.874	173.018.495.874

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

